

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6210/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Hoàng Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: Saskatoon, SK S7M 3J3, Canada.

Ông Ngô Minh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Ngô Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Hoàng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 22/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Canada được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Mặc dù ông đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 02/2018 đến nay, ông trở về Việt Nam và không còn chung sống với bà Q. Ông xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Phạm Hoàng Q, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Đại sứ quán Việt Nam tại Canada theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà Q có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo hồ sơ ủy thác tư pháp số 879/TATP-TGĐVNCTN ngày 25/11/2019). Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt không có lý do. Ngày 16/9/2020, Tòa án có văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thông báo về kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Q (Công văn số 710/TATP-TGĐVNCTN) nhưng đến nay vẫn không nhận được kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn là ông Ngô Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy ông T và bà Phạm Hoàng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Ngô Minh T được ly hôn bà Phạm Hoàng Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông T (ông T cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của ông) thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông T và bà Q không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông T và bà Q đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn bà Q là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Ngô Minh T ly hôn bà Phạm Hoàng Q là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Ngô Minh T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh T được ly hôn với bà Phạm Hoàng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2016 cho ông Ngô Minh T và bà Phạm Hoàng Q không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Ngô Minh T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0024554 ngày 23/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Ngô Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Phạm Hoàng Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên